TRƯỜNG THCS NGUYỄN HIỀN

GỢI Ý HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

(Đối với học sinh không thể học tập trực tuyến)

MÔN: HÓA HỌC - LỚP 8 - TUẦN:3

1. **Tài liệu học tập và Phiếu hướng dẫn học sinh tự học**

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

<table>
<tr><th>NỘI DUNG</th><th>GHI CHÚ</th></tr>
<tr><td>Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp</td><td>BÀI 5: NGUYÊN TỐ HÓA HỌC</td></tr>
<tr><td>Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</td><td>
I. Nguyên tố hóa học là gì?
1. Định nghĩa
? Đọc thông tin sgk trang 17 và bảng sau hãy trả lời các câu hỏi sau:
<table>
<tr><td>Nguyên tố Hiđrô
Hạt nhân Nguyên tử</td><td>Nguyên tử H-1
 </td><td>Nguyên tử H-2
 </td><td>Nguyên tử H- 3
 </td></tr>
<tr><td>Số p</td><td>1</td><td>1</td><td>1</td></tr>
<tr><td>Số n</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td></tr>
</table>
+ Ba nguyên trên thuộc cùng 1 nguyên tố hoá học nào?
+ Ba nguyên tử trên có cùng loại hạt nào?
+ Nguyên tố hóa học là gì? Chúng có tính chất như thế nào?
2. Kí hiệu hóa học
? Dựa vào bảng một số nguyên tố hóa học, hoàn thành bài tập sau:
Bài tập: Dựa vào bảng 1 SGK/42. Điền số electron thích hợp vào ô trống và trả lời các câu hỏi sau?
<table>
<tr><td></td><td>Số p</td><td>Số n</td><td>Số e</td><td>Tên ntố</td><td>KHHH</td></tr>
<tr><td>Ntử 1</td><td>19</td><td>20</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Ntử 2</td><td>20</td><td>20</td><td></td><td></td><td></td></tr>
</table>
</td></tr>
</table>

<table>
<tr><td></td><td>
<table>
<tr><td>Ntử 3</td><td>19</td><td>21</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Ntử 4</td><td>17</td><td>18</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Ntử 5</td><td>17</td><td>20</td><td></td><td></td><td></td></tr>
</table>
+ Trong 5 nguyên tử trên, những nguyên tử nào thuộc cùng một nguyên tố hoá học? vì sao ?
+ Cho biết tên các nguyên tố Hoá học trên ?
+ Cho biết KHHH của các nguyên tố được viết như thế nào ? Cho biết KHHH của các nguyên tố sau: sodium, carbon, sulfur, magnesium?
- Một số kí hiệu hóa học không giống với tên vì được gọi bằng tiếng Latinh do KHHH qui định dùng thống nhất trên TG.
- Mỗi kí hiệu của nguyên tố hoá học còn chỉ một nguyên tử của nguyên tố đó. (ý nghĩa của kí hiệu hóa học)
Vd: Fe: chỉ 1 nguyên tử Iron
2 H :chỉ 2 nguyên tử hydrogen
II. Nguyên tử khối
? Đọc thông tin sgk trang 18 và trả lời các câu hỏi: Đơn vị cacbon là gì?
- Cho : H = 1đvC, O = 16đvC, Ca = 40đvC, Mg = 24đvC , S = 32đvC …
+ Trong các nguyên tử trên, nguyên tử nào nhẹ nhất ?
+ Nguyên tử Carbon, Oxygen nặng hay nhẹ gấp bao nhiêu lần nguyên tử Hydrogen ?
+ Giữa 2 nguyên tử cacbon và oxi, nguyên tử nào nhẹ hơn, nhẹ hơn bao nhiêu lần?
? Thế nào là nguyên tử khối? Mỗi nguyên tố có bao nhiêu nguyên tử khối (NTK) (mỗi nguyên tố có bao nhiêi nguyên tử khối.Mỗi nguyên tố có 1 NTK riêng biệt)
- Dựa vào NTK của 1 nguyên tố chưa biết, ta xác định được đó là nguyên tử nào.</td></tr>
<tr><td>**Hoạt động 2**: ***Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.***</td><td>**Dựa vào bảng một số nguyên tố hóa học hoàn thành các bài tập**
1. Tính khối lượng bằng đvC của: 3C , 2S, 5Na
2. Nguyên tử của nguyên tố A có 16 p . Hãy cho biết:
a. Tên và kí hiệu của A.
b. Số e của A.
c. Nguyên tử A nặng gấp bao nhiêu lần nguyên tử Hiđro và Oxi.</td></tr>
</table>

3. Hãy điền tên, kí hiệu và số thích hợp vào ô trống trong bảng sau:

Tên nguyên tố	Kí hiệu hóa học	Tổng số hạt	Số p	Số e	Số n
		34			12
			15		16
		18	6		
				16	16

2. Học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Trường:
Lớp:
Họ tên học sinh:

Môn học	**Nội dung học tập**	**Câu hỏi của học sinh**
Hóa Học 8	BÀI 5: NGUYÊN TỐ HÓA HỌC Mục I: Phần 1 Phần 2 Mục II	1. 2. 3.

Mọi thắc mắc về kiến thức bài học, học sinh liên hệ:

- **Cô: NGUYỄN THỊ THU THẢO**
  Điện thoại: 0923245685 (Có zalo)
  Thời gian: CHỦ NHẬT từ 9 giờ đến 21 giờ
- **Cô: VY THỊ LAN CHI**
  Điện thoại: 0908617455 (Có zalo)

NỘI DUNG BÀI GHI

BÀI 4: NGUYÊN TỐ HÓA HỌC

I. Nguyên tố hoá học là gì?

1. Định nghóa

- Nguyên tố hoá học là tập hợp các những nguyên tử cùng loại, có cùng số prôtôn trong hạt nhân.
- Số p là số đặc trưng của một nguyên tố hoá học.
- Các nguyên tử thuộc một nguyên tố hoá học đều có TCHH như nhau

2. Kí hiệu hoá học

- Mỗi nguyên tố được biểu diễn bằng một kí hiệu hoá học.
- Kí hiệu hoá học của các nguyên tố được biểu diễn bằng một hay hai chữ cái, trong đó chữ cái đứng đầu được viết ở dạng chữ in hoa.

II. Nguyên tử khối

- Mỗi đơn vị Cacbon bằng 1/12 khối lượng của nguyên tử Cacbon.
- Nguyên tử khối là khối lượng của nguyên tử tính
bằng đơn vị Cacbon. (đvC)
- Mỗi nguyên tố có nguyên tử khối riêng biệt

BẢNG 1 SỐ NGUYÊN TỐ HÓA HỌC

SỐ PRONTON	KÍ HIỆU HÓA HỌC	TÊN NGUYÊN TỐ	NGUYÊN TỬ KHỐI	HÓA TRỊ
1	H	Hydrogen	1	I
2	He	Helium	4	
3	Li	Lithium	7	I
4	Be	Beryllium	9	II
5	B	Boron	11	III
6	C	Carbon	12	IV, II
7	N	Nitrogen	14	III, II, IV...
8	O	Oxygen	16	II
9	F	Fluorine	19	I
10	Ne	Neon	20	
11	Na	Sodium	23	I
12	Mg	Magnesium	24	II
13	Al	Aluminium	27	III
14	Si	Silicon	28	IV
15	P	Phosphorus	31	III, V
16	S	Sulfur	32	II, IV, VI
17	Cl	Chlorine	35,5	I,...
18	Ar	Argon	39,9	
19	K	Potassium	39	I
20	Ca	Calcium	40	II
.				
.				

.				
24	Cr	Chromium	52	II, III,...
25	Mn	Manganese	55	II, IV, VII,...
26	Fe	Iron	56	II, III
29	Cu	Copper	64	I, II
30	Zn	Zinc	65	II
35	Br	Bromine	80	I,...
47	Ag	Silver	108	I
56	Ba	Barium	137	II
80	Hg	Mercury	201	I, II
82	Pb	Lead	207	II, IV